

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số 645/QĐ-ĐHTĐHN ngày 18/06/2019 của
Hiệu trưởng trường ĐHTĐHN)

CTĐT Ngôn ngữ Trung Quốc của Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội được ra đời với mục tiêu nhằm góp phần thực hiện các Triết lý giáo dục (Lối sống đẹp; Học vấn rộng; Chuyên môn sâu; Kỹ năng cao; Thành đạt sớm); các Giá trị cốt lõi (Uy tín và chất lượng; Đổi mới và sáng tạo; Tận tâm và tôn trọng; Trách nhiệm và tự hoàn thiện; Gắn kết cộng đồng) cùng Sứ mệnh kết nối, phát triển truyền thống của Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến bằng việc theo đuổi các hoạt động đặc thù với chất lượng vượt trội, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô và cả nước; hướng Tầm nhìn đến năm 2030 trở thành một trong những trường đại học đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng hàng đầu của quốc gia, có uy tín cao trong khu vực và thế giới của nhà trường. CTĐT Ngôn ngữ Trung Quốc được xây dựng với nội dung cơ bản sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1.1. **Tên trường:** Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội
- 1.2. **Tên văn bằng:** Cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc
- 1.3. **Trình độ đào tạo:** Đại học
- 1.4. **Tên chương trình đào tạo:**
 - **Tiếng việt:** Ngôn ngữ Trung Quốc
 - **Tiếng Anh:** Chinese
 - **Tiếng Trung Quốc:** 汉语
- 1.5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy
- 1.6. **Thời gian đào tạo:** 4 năm, 8 học kỳ
- 1.7. **Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 130 tín chỉ
(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và tin học).
- 1.8. **Đối tượng tuyển sinh:** Theo “Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy”
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/2/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
- 1.9. **Quy trình đào tạo – Điều kiện tốt nghiệp:**

Theo “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế

đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.10. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần là tổng của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc môn học sau khi đã tính trọng số và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

TT	Mức điểm HP theo thang điểm 10	Quy đổi điểm HP sang điểm chữ	Quy đổi điểm chữ sang thang điểm 4
1	9,5 – 10	A+	4,0
2	8,5 – 9,4	A	3,7
3	8,0 – 8,4	B+	3,5
4	7,0 – 7,9	B	3,0
5	6,5 – 6,9	C+	2,5
6	5,5 – 6,4	C	2,0
7	5,0 – 5,4	D+	1,5
8	4,0 – 4,9	D	1,0
9	2,0 – 3,9	F+	0,5
10	<2,0	F	0

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Trung Quốc đào tạo ra những cử nhân có kiến thức tốt về tiếng Trung Quốc và sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc (Đạt chuẩn năng lực tiếng Hán HSK cấp 5, tương đương mức C1 theo khung tham chiếu Châu Âu); có phương pháp tư duy khoa học để có thể tiếp tục tự học hoặc tiếp tục học tập ở bậc cao hơn; có kỹ năng mềm và có hiểu biết về văn hóa xã hội để làm tốt những công việc trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nắm vững các vấn đề về thực hành ngôn ngữ tiếng Việt để làm cơ sở cho việc học các chuyên ngành tiếng Trung Quốc. Có sự hiểu biết về các lĩnh vực văn hóa để làm cơ sở cho việc thực hành nghiệp vụ sau khi tốt nghiệp.

- Có năng lực chuyên môn tốt về tiếng Trung Quốc: hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản trong Ngữ âm tiếng Trung Quốc vào phát âm thực tế; nắm vững các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, ngữ dụng học tiếng Trung Quốc để áp dụng vào công việc biên phiên dịch và hướng dẫn du lịch; nắm vững những kiến thức cơ bản về đất nước, văn học, văn hóa Trung Quốc để ứng dụng vào giao tiếp trong môi trường giao tiếp liên văn hóa; nắm vững kiến thức về chuyên ngành gần như thương mại, hành chính văn phòng để phục vụ cho công tác biên phiên dịch;

- Nắm vững các kỹ năng biên phiên dịch và biết ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch thuật; Nắm vững các kỹ năng trong nghiệp vụ du lịch để làm tốt các mảng việc thuộc chuyên ngành du lịch.

- Thông qua chương trình thực tập, người học biết vận dụng các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ đã học vào công việc thực tiễn tại các văn phòng, công ty; linh hoạt sử dụng các kỹ năng cần thiết, làm quen với thực tế xã hội và tự tin với nghề hơn.

- Thông qua việc lựa chọn làm khóa luận dưới sự hướng dẫn của giảng viên, người học có cơ hội nghiên cứu chuyên sâu về một vấn đề chuyên môn, phát triển khả năng phân tích, tư duy khoa học. Những học phần thay thế khóa luận giúp người học tiếp tục nâng cao kiến thức chuyên môn và chuyên ngành sâu

B. CHUẨN ĐẦU RA

Người học tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Trung Quốc cần đạt được những chuẩn đầu ra sau:

1. Phẩm chất

1.1. Phẩm chất công dân toàn cầu

- Tôn trọng sự khác biệt về chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, quốc gia, dân tộc giữa các cộng đồng khác nhau.
- Biết cách thể hiện các giá trị cá nhân, độc lập, tự chủ và tôn trọng giá trị cá nhân, quyền con người của người khác.
- Có hiểu biết về cơ chế kết nối, quản trị thế giới giữa các quốc gia, giữa các cộng đồng, hiểu biết và tôn trọng những giá trị tinh hoa của thế giới.
- Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.
- Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.
- Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.

1.2. Phẩm chất công dân Việt Nam

- Yêu nước, trung thành với Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

- Sống, làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Có tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc; sống trung thực, nhân ái, có trách nhiệm và hành động vì cộng đồng.
- Có ý thức xây dựng và quảng bá hình ảnh tốt đẹp về đất nước, con người Việt Nam với thế giới.

1.3. Phẩm chất công dân Thủ đô

- Có tinh thần thực hiện nếp sống văn minh, thanh lịch của người Hà Nội; thực hiện tốt các quy tắc ứng xử nơi công cộng, công sở của Hà Nội.
- Có ý thức tự hào, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa, nhân văn của Thăng Long - Hà Nội; có ý thức quảng bá hình ảnh tốt đẹp về Thủ đô Hà Nội với nhân dân trong nước và khách Quốc tế.
- Chủ động thích ứng với những biến đổi, phát triển về kinh tế - văn hóa - xã hội của Thủ đô Hà Nội.

1.4. Phẩm chất nghề nghiệp đặc trưng của chuyên ngành

- Trung thực và có trách nhiệm trong công việc. Có ý thức nghề nghiệp, không vi phạm đạo đức nghề nghiệp.
- Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.
- Đảm bảo sự công bằng, vô tư, không vụ lợi khi thực hiện công việc. Đảm bảo thông tin chính xác và sự trung thực trong khi thực hiện biên, phiên dịch, tôn trọng nội dung gốc và bản chất của sự việc; Không thêm bớt hay thay đổi quá nhiều làm bóp méo và sai đi tính chất hay ý nghĩa của sự thật hay thông tin cần truyền đạt, trao đổi. Đảm bảo sự bí mật thông tin của công ty, khách hàng, các bên đối tác khi thực hiện công việc; Có thái độ và sự hiểu biết, tôn trọng đúng tầm với công việc.
- Có sự kiên trì, đam mê với công việc và hành xử hợp lý, hài hòa và chuyên nghiệp; Thực hiện đúng, đủ và tuân thủ các nguyên tắc đề ra của công việc; sẵn sàng khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt công việc được giao.
- Thái độ làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp, hoàn thành công việc đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng công việc. Biết quản lý, sắp xếp thời gian để hoàn thành công việc đúng hạn, chịu được áp lực công việc.
- Ứng xử hài hòa, chuyên nghiệp với đồng nghiệp, đối tác. Đoàn kết và cộng tác cùng với các bên để hỗ trợ cho việc phát triển chuyên môn và thành công trong công việc.

- Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.
- Có thể viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc.

2. Chuẩn Năng lực của người học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

2.1. Ngoại ngữ chung

Năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư 01/2014/TT- BGDĐT đối với Tiếng Anh và bậc 2 đối với tiếng Hàn, tiếng Nhật

2.2. Công nghệ thông tin

Đạt năng lực chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT

2.3. Năng lực chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

2.3.1. Năng lực chuyên môn về sử dụng Ngôn ngữ Trung Quốc

- Nghe hiểu và nắm bắt được những nội dung cơ bản các văn bản tiếng Trung thuộc các lĩnh vực khác nhau như: văn hoá Trung Quốc, nghe tin tức, nghe bản tin tài chính.
- Thuyết trình độc lập hoặc tiến hành thảo luận, phản biện theo nhóm, giao tiếp tốt trong mọi tình huống giao tiếp xã hội.
- Đọc hiểu thành thạo các văn bản tiếng Trung thuộc các lĩnh vực khác nhau như: kinh tế, lịch sử, văn hóa, chính trị...
- Nắm được những kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học, ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc.
- Nắm vững kiến thức về các vấn đề cơ bản của ngữ pháp tiếng Trung Quốc, hoàn thiện các kỹ năng tiếng, vận dụng vào việc biên phiên dịch.
- Hiểu về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, có thể giao tiếp thành công trong môi trường liên văn hóa, hỗ trợ tích cực cho các công việc sau tốt nghiệp.
- Nắm được những kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hóa, văn học, đất nước con người Trung Quốc quá khứ và hiện tại nhằm vận dụng vào việc xử lý các tri thức văn hóa trong ngôn ngữ.
- Nhận thức đúng và có thể xử lý linh hoạt các vấn đề nhạy cảm trong quan hệ Việt Nam – Trung Quốc trong quá trình công tác sau này.

2.3.2 Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch

- Nắm vững kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành dịch thuật, các phương pháp và kỹ xảo chính trong Biên dịch và Phiên dịch.
- Ứng dụng các kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, ngoại giao, chính trị, kinh tế, giáo dục, du lịch... vào dịch thuật.

- Vận dụng tốt các kiến thức đã học vào dịch chuyên đề báo chí, dịch văn học, dịch kinh tế, thương mại du lịch; vận dụng vào các loại hình dịch khác nhau như dịch đồng thời, dịch đũa, dịch nghe nhìn...
- Biết cách sắp xếp, bố trí thời gian để hoàn thành thời hạn công việc dịch thuật.
- Biết cách lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp với từng chuyên ngành, ngắn gọn, súc tích, đủ ý và hiệu quả.
- Phản ứng linh hoạt trong hoạt động dịch nói, giao tiếp xã hội nhanh nhạy nhằm đạt được hiệu quả công việc.
- Vận dụng tốt các kỹ năng nghe nói đọc viết để nắm bắt, xử lý thông tin đúng, đủ, hợp lý trong các tình huống giao tiếp như hội nghị, điện thoại, viết thư, trả lời email ...
- Biết áp dụng các công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào công việc. Sử dụng tốt các phương tiện, công cụ sẵn có để hỗ trợ cho hoạt động biên phiên dịch.

2.3.3 Năng lực hướng tới chuyên ngành Thương mại – Du lịch

- Nắm được những quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại và du lịch nói riêng, trong các hoạt động giao lưu nói chung.
- Nắm vững kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa, lịch sử Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành thương mại và du lịch.
- Sử dụng thành thạo ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch. Biết cách ứng phó và giải quyết các tình thế phát sinh của một lễ tân hay một hướng dẫn viên du lịch...
- Hiểu biết về kiến thức ngôn ngữ liên quan đến các tình huống thương mại thường gặp trong hoạt động thương mại quốc tế như đàm phán hợp đồng xuất nhập khẩu, hợp tác kinh doanh, tiếp thị sản phẩm.
- Biết cách soạn thảo các loại thư tín trong thương mại, hợp đồng, hồ sơ mời thầu...
Biết soạn các báo cáo điều tra thị trường một cách mạch lạc, đúng văn phong.

2.3.4. Năng lực nghiên cứu

- Có thể nghiên cứu, tự nghiên cứu một cách độc lập. Có thể tự nâng cao trình độ thông qua sách vở, báo chí, mạng internet, mạng xã hội,...
- Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu khoa học.
- Biết cách tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức được đào tạo và kiến thức thu nhận được. Biết cách phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển cho nghề nghiệp cá nhân.
- Biết cách tự tìm tòi, phát hiện thiếu hụt của bản thân để có kế hoạch trau dồi, bổ sung kiến thức theo kịp sự phát triển của ngành nghề và thời đại.

2.3.5. Năng lực phát triển bản thân

- Có tư duy sáng tạo để vận dụng hiệu quả và cải tiến hiệu suất làm việc trong hoạt động nghề nghiệp như ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch thuật.
- Cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề để vận dụng vào trong thực tiễn một cách hiệu quả.
- Biết cách làm chủ các khoa học kỹ thuật tiên tiến vào công việc biên dịch.
- Biết cách chuẩn bị và lập kế hoạch một tour du lịch.

3. Ma trận mô tả mức độ liên quan giữa các học phần với nhóm năng lực chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

Định hướng biên phiên dịch

TT	Phẩm chất, năng lực		Phẩm chất	Năng lực																		
				Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới chuyên ngành Biên phiên dịch tiếng Trung Quốc				Sử dụng ngoại ngữ và tin học		Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân								
	Tiêu chí	Tên học phần		Số tín chỉ		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
BB		TC																				
		Bắt buộc		Phẩm chất chính trị			Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc	Năng lực thuyết trình, thảo luận, phân biện	Kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học, ngữ nghĩa học, ngữ pháp tiếng TQ.	Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa	Kiến thức cơ bản về lý thuyết, thực hành, phương pháp, kỹ xảo dịch thuật	Năng lực ứng dụng kiến thức đa lĩnh vực vào dịch thuật	Năng lực dịch nhiều chủ đề và nhiều hình thức	Năng lực lựa chọn sử dụng từ ngữ phù hợp với chuyên ngành	Năng lực nắm bắt, xử lý thông tin đúng, đủ, hợp lý trong các tình huống giao tiếp	Năng lực ứng dụng CNTT, KHKT vào dịch thuật	Năng lực ngoại ngữ	Năng lực tin học	Năng lực tư duy sáng tạo	Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ	Năng lực phân tích, sàng lọc, phân biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.	Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề
I	Nội dung giáo dục đại cương (không tính các môn GDTC và GDQP-AN))		23																			
	Lí luận chính trị		12																			

1	Những NL cơ bản của CN Mác– Lênin 1	2		2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	
2	Những NL cơ bản của CN Mác– Lênin 2	3		2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	
4	Đường lối CM của Đảng cộng sản Việt Nam	3		2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Pháp luật đại cương	2		2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	
	<i>Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh</i>	CC																				
6	Giáo dục thể chất 1	CC																				
7	Giáo dục thể chất 2																					
8	Giáo dục thể chất 3																					
9	Giáo dục quốc phòng – an ninh 1	CC																				
10	Giáo dục quốc phòng – an ninh 2																					
11	Giáo dục quốc phòng – an ninh 3																					
	<i>Ngoại ngữ (chọn 1 trong các thứ tiếng)</i>	5 CC																				
12	Tiếng Anh	5 CC		0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0
13	Tiếng Hàn Quốc	5 CC		0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0

	Công nghệ thông tin (chọn 1 trong các học phần)	2																		
14	Tin học cơ bản	2	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	2	2	1	2	1	1	1	1
15	Xử lý bảng tính	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	2	2	1	1	0
16	Đồ họa máy tính	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0
17	Phát triển năng lực thông tin trong kĩ nguyên số	2	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	1	2	1	2	1	2	1	2
	Khoa học xã hội (chọn 1 trong các học phần)	2																		
18	Hà Nội học	2	1	1	0	0	0	1	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	1	0
19	Biển và hải đảo Việt Nam	2	2	2	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0
20	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1	0	0	0	1	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	1	0
21	Kinh tế học đại cương	2	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0
22	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	1	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0
23	Dân số môi trường, phòng chống AIDS và ma túy	2	2	2	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0
24	GD vì sự phát triển bền vững	2	2	2	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	2
25	Những vấn đề của thời đại ngày nay	2	2	2	0	0	0	2	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	2	2
	Kĩ năng cá nhân (chọn 1 trong các học phần)	2																		
26	Tiếng Việt thực hành	2	1	1	0	1	0	1	1	1	1	2	1	1	0	0	0	0	0	1
27	Kĩ năng quản lí tài chính cá nhân	2	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	1	1	1	1

28	Âm nhạc và cảm thụ âm nhạc	2		0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0
29	Mĩ thuật và cảm thụ mỹ thuật	2		0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0
30	Kỹ năng giao tiếp	2		1	1	0	2	0	2	0	0	1	2	2	1	0	0	1	1	1	1
II	Nội dung giáo dục chuyên nghiệp	90																			
	<i>Lĩnh vực cơ sở ngành và liên ngành</i>	<i>50</i>																			
	<i>Các môn bắt buộc</i>																				
31	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	5		0	0	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0	0	0
32	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	5		0	0	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0	0	0
33	Kỹ năng nghe nói cơ sở	2		0	0	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0	0	0
34	Tiếng TQ tổng hợp 3	5		0	0	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0	0	0
35	Tiếng TQ tổng hợp 4	5		0	0	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0	0	0
36	Kỹ năng đọc viết cơ sở	2		0	0	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0	0	0
37	Kỹ năng nghe 1	2		0	0	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0	0	0
38	Kỹ năng nói 1	2		0	0	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0	0	0
39	Kỹ năng đọc 1	2		0	0	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0	0	0
40	Kỹ năng viết 1	2		0	0	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0	0	0
41	Kỹ năng nghe 2	2		0	0	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0	0	0
42	Kỹ năng nói 2	2		0	0	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0	0	0
43	Kỹ năng đọc 2	2		0	0	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0	0	0
44	Kỹ năng viết 2	2		0	0	2	2	2	2	1	1	1	1	1	0	2	0	1	0	0	0
45	Kỹ năng nghe 3	3		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	0	1	0	0	0
46	Kỹ năng nói 3	3		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	0	1	0	0	0

47	Kỹ năng đọc 3	2		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	0	1	0	0	0
48	Kỹ năng viết 3	2		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	0	1	0	0	0
	<i>Lĩnh vực ngành</i>																				
	Các môn bắt buộc	22																			
49	Đất nước học Trung Quốc	3		1	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	0	2	0	1	1	1	1
50	Luyện thi HSK	3		0	0	2	1	2	1	1	1	1	1	1	0	2	0	0	0	0	1
51	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	2		0	0	2	2	2	1	2	2	2	2	1	0	2	0	1	1	0	1
52	Văn học Trung Quốc	3		0	0	2	1	2	2	2	2	2	2	1	0	2	0	1	1	0	0
53	Ngữ pháp Tiếng Hán hiện đại	3		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	1	0	2	0	1	1	0	0
54	Phiên dịch cơ sở	3		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	0	1	1	0	1
55	Biên dịch cơ sở	3		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	0	1	1	0	1
56	Ngữ âm văn tự tiếng Hán	2		0	0	2	1	2	2	2	2	2	2	1	0	2	0	1	1	0	0
	<i>Lĩnh vực chuyên ngành</i>	18																			
	Các môn bắt buộc																				
57	Phiên dịch nâng cao	4		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	0	1	1	0	1
58	Biên dịch nâng cao	4		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	0	1	1	0	1
59	Lý thuyết dịch	3		0	0	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	2	0	1	1	0	1
60	Dịch thương mại	4		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	0	1	1	0	1
	Các môn tự chọn																				
61	Dịch chuyên đề		3	1	0	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	0	1	1	0	1
62	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch		3	1	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	0	1	1	0	1
63	Dịch văn học		3	0	0	2	1	2	1	2	2	2	2	1	1	2	0	1	1	0	1
III	Nội dung thực tập	9																			

64	Thực tập 1	2		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1	1	1	1	2
65	Thực tập 2	3		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1	1	1	1	2
66	Thực tập 3	4		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1	1	1	1	2
IV	Khoá luận tốt nghiệp	8																			
67	Khóa luận TN	8		0	0	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	2	1	1	2	1	2
V	Học phần thay thế khóa luận																				
68	Phiên dịch chuyên ngành	3		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	0	1	1	0	1
69	Biên dịch chuyên ngành	3		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	0	1	1	0	1
70	Đổi chiếu ngôn ngữ Trung Việt	3		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	0	1	2	2	1
71	Văn hóa Trung Quốc	2		1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	0	1	2	1	1
72	Giao tiếp liên văn hóa	2		1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	0	1	2	2	1
	Tổng cộng	130																			

Ghi chú mức độ liên quan: 0: không liên quan; 1: ít liên quan; 2: rất liên quan. CC: chứng chỉ

Định hướng du lịch

TT	Phẩm chất, năng lực		Phẩm chất	Năng lực																		
				Năng lực chuyên môn về sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc				Năng lực hướng tới ngành nghề thương mại - du lịch tiếng Trung Quốc				Sử dụng ngoại ngữ và tin học		Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân								
	Tên học phần		Số tín chỉ		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
		BB	T C)))))))))))))))))))
	Bắt buộc		Phẩm chất chính trị																			
	Tự chọn		Phẩm chất đạo đức																			
			Năng lực thực hành tiếng Trung Quốc																			
			Năng lực thuyết trình, thảo luận, phản biện																			
			Kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học, ngữ nghĩa học, ngữ pháp tiếng TQ.																			
			Năng lực giao tiếp trong môi trường liên văn hóa																			
			Quy tắc cơ bản về lễ nghi giao tiếp trong thương mại du lịch																			
			Ứng dụng kiến thức chức ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử TQ trong thương mại du lịch																			
			Kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch																			
			Kết hợp ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ thương mại																			
			Năng lực ngoại ngữ																			
			Năng lực tin học																			
			Năng lực tư duy sáng tạo																			
			Năng lực nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ																			
			Năng lực phân tích, sàng lọc, phản biện và đúc kết để phát triển nghề nghiệp.																			
			Năng lực cập nhật và dự đoán được xu thế chung của ngành nghề																			
I	Nội dung giáo dục đại cương (không tính các môn GDTC và GDQP-AN))		23																			

	<i>Lí luận chính trị</i>	12																	
1	Những NL cơ bản của CN Mác- Lênin 1	2		2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
2	Những NL cơ bản của CN Mác- Lênin 2	3		2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
4	Đường lối CM của Đảng cộng sản Việt Nam	3		2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Pháp luật đại cương	2		2	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	1
	<i>Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh</i>	CC																	
6	Giáo dục thể chất 1																		
7	Giáo dục thể chất 2	CC																	
8	Giáo dục thể chất 3																		
9	Giáo dục quốc phòng – an ninh 1																		
10	Giáo dục quốc phòng – an ninh 2	CC																	
11	Giáo dục quốc phòng – an ninh 3																		
	<i>Ngoại ngữ (chọn 1 trong các thứ tiếng)</i>	5 CC																	
12	Tiếng Anh	5 CC		0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	2	0	0	0	0	0

13	Tiếng Hàn Quốc	5 CC		0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	2	0	0	0	0	0
	Công nghệ thông tin (chọn 1 trong các học phần)	2																	
14	Tin học cơ bản	2		0	0	0	0	0	1	1	1	1	2	1	2	1	1	1	1
15	Xử lý bảng tính	2		0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	2	1	1	0
16	Đồ họa máy tính	2		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0
17	Phát triển năng lực thông tin trong kĩ nguyên số			0	0	0	0	0	1	1	1	1	2	1	2	1	2	1	2
	Khoa học xã hội (chọn 1 trong các học phần)	2																	
18	Hà Nội học	2		1	1	0	0	0	1	1	2	2	1	0	0	0	0	1	0
19	Biển và hải đảo Việt Nam	2		2	2	0	0	0	1	0	2	2	1	0	0	0	0	1	0
20	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		1	1	0	0	0	1	1	2	2	1	0	0	0	0	1	0
21	Kinh tế học đại cương	2		2	1	0	0	0	0	0	1	1	2	0	0	0	0	1	0
22	Lịch sử văn minh thế giới	2		2	1	0	0	0	1	0	1	1	1	0	0	0	0	1	0
23	Dân số môi trường, phòng chống AIDS và ma túy	2		2	2	0	0	0	1	0	1	1	1	0	0	0	0	1	0
24	GD vì sự phát triển bền vững	2		2	2	0	0	0	1	0	1	1	1	0	0	0	0	1	2
25	Những vấn đề của thời đại ngày nay	2		2	2	0	0	0	2	1	2	2	2	0	0	1	1	2	2
	Kĩ năng cá nhân (chọn 1 trong các học phần)	2																	
26	Tiếng Việt thực hành	2		1	1	0	1	0	1	1	1	1	1	0	0	0	0	0	1

27	Kĩ năng quản lí tài chính cá nhân	2		1	1	0	0	0	1	1	0	0	2	0	0	1	1	1	1
28	Âm nhạc và cảm thụ âm nhạc	2		0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	2	0	0	0
29	Mĩ thuật và cảm thụ mỹ thuật	2		0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	2	0	0	0
30	Kĩ năng giao tiếp	2		1	1	0	2	2	2	2	2	2	2	0	0	1	1	1	1
II	Nội dung giáo dục chuyên nghiệp	90																	
	<i>Lĩnh vực cơ sở ngành và liên ngành</i>	<i>50</i>																	
	Các môn bắt buộc																		
31	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	5		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
32	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	5		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
33	Kỹ năng nghe nói cơ sở	2		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
34	Tiếng TQ tổng hợp 3	5		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
35	Tiếng TQ tổng hợp 4	5		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
36	Kỹ năng đọc viết cơ sở	2		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
37	Kĩ năng nghe 1	2		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
38	Kĩ năng nói 1	2		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
39	Kĩ năng đọc 1	2		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
40	Kĩ năng viết 1	2		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
41	Kĩ năng nghe 2	2		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
42	Kĩ năng nói 2	2		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
43	Kĩ năng đọc 2	2		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
44	Kĩ năng viết 2	2		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0

45	Kĩ năng nghe 3	3		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
46	Kĩ năng nói 3	3		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
47	Kĩ năng đọc 3	2		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
48	Kĩ năng viết 3	2		0	0	2	2	2	2	1	1	2	2	2	0	1	0	0	0
	<i>Lĩnh vực ngành</i>																		
	<i>Các môn bắt buộc</i>	22																	
49	Đất nước học Trung Quốc	3		1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	1	1	1	1
50	Luyện thi HSK	3		0	0	2	1	2	1	1	1	1	1	2	0	0	0	0	1
51	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	2		0	0	2	2	2	1	1	1	1	2	2	0	1	1	0	1
52	Văn học Trung Quốc	3		0	0	2	1	2	2	1	2	2	1	2	0	1	1	0	0
53	Ngữ pháp Tiếng Hán hiện đại	3		0	0	2	2	2	2	1	1	1	2	2	0	1	1	0	0
54	Phiên dịch cơ sở	3		0	0	2	2	2	2	1	1	1	2	2	0	1	1	0	1
55	Biên dịch cơ sở	3		0	0	2	2	2	2	1	1	1	2	2	0	1	1	0	1
56	Ngữ âm văn tự tiếng Hán	2		0	0	2	1	2	1	1	1	1	1	2	0	1	1	0	0
	<i>Lĩnh vực chuyên ngành</i>	18																	
	<i>Các môn bắt buộc</i>																		
57	Tiếng Trung Quốc khách sạn - nhà hàng	4		0	0	2	2	2	2	2	2	2	1	2	0	1	1	2	2
58	Tiếng Trung Quốc du lịch	4		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	1	1	2	2
59	Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội	4		0	1	2	2	2	2	2	2	2	1	2	0	2	2	2	2
60	Tiếng Trung Quốc thương mại	3		0	0	2	2	2	2	2	2	1	2	2	0	1	2	2	2
	<i>Các môn tự chọn</i>																		
61	Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	3		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	1	2	2	2

62	Tiếng Hán cổ đại	3		0	0	2	1	2	2	1	2	1	1	2	0	1	2	1	2
III	Nội dung thực tập	9																	
63	Thực tập 1	2		0	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
64	Thực tập 2	3		0	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
65	Thực tập 3	4		0	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
IV	Khoá luận tốt nghiệp	8																	
66	Khóa luận TN	8		0	0	2	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2
V	Học phần thay thế khóa luận																		
67	Hướng dẫn du lịch Việt Nam	3		0	1	2	2	2	2	2	2	1	2	1	2	1	2	2	2
68	Thuyết trình tiếng Hán	3		0	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
69	Đôi chiếu ngôn ngữ Trung Việt	3		0	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2
70	Văn hóa Trung Quốc	2		1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2
71	Giao tiếp liên văn hóa	2		1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2
	Tổng cộng	130																	

Ghi chú mức độ liên quan: 0: không liên quan; 1: ít liên quan; 2: rất liên quan. CC: chứng chỉ

C. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH (tên và khối lượng các học phần)

STT	Mã học phần	Nội dung	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Ghi chú
				Lý thuyết	BT, thảo luận nhóm	Tự học	
I	Nội dung giáo dục đại cương (không tính các môn GDTC và GDQP-AN))		23				
	Lí luận chính trị		12				
1		Những NL cơ bản của CN Mác–Lênin 1	2	30		60	
2		Những NL cơ bản của CN Mác–Lênin 2	3	45		90	
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		60	
4		Đường lối CM của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45		90	
5		Pháp luật đại cương	2	30		60	
	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh						
6		Giáo dục thể chất 1			30	15	
7		Giáo dục thể chất 2			30	15	
8		Giáo dục thể chất 3			30	15	
9		Giáo dục quốc phòng – an ninh 1		30		75	
10		Giáo dục quốc phòng – an ninh 2		45		45	
11		Giáo dục quốc phòng – an ninh 3		30	30	75	
	Ngoại ngữ (chọn 1 trong các thứ tiếng)		5				
12		Tiếng Anh	5	60	30	135	
13		Tiếng Hàn Quốc	5	60	30	135	
	Công nghệ thông tin (chọn 1 trong các học phần)		2				
14		Tin học cơ bản	2	15	30	45	
15		Xử lí bảng tính	2	15	30	45	
16		Đồ họa máy tính	2	15	30	45	
17		Phát triển năng lực thông tin trong kĩ nguyên số	2	15	30	45	
	Khoa học xã hội (chọn 1 trong các học phần)		2				
18		Hà Nội học	2	30			

19		Biển và hải đảo Việt Nam	2	30			
20		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30			
21		Kinh tế học đại cương	2	15	30		
22		Lịch sử văn minh thế giới	2	30			
23		Dân số môi trường, phòng chống AIDS và ma túy	2	30		60	
24		GD vì sự phát triển bền vững	2	30		60	
25		Những vấn đề của thời đại ngày nay	2	30		60	
	Kĩ năng cá nhân (chọn 1 trong các học phần)		2				
26		Tiếng Việt thực hành	2	30			
27		Kĩ năng quản lí tài chính cá nhân	2	15	13	45	
28		Âm nhạc và cảm thụ âm nhạc	2	15	30	45	
29		Mĩ thuật và cảm thụ mỹ thuật	2	15	30	45	
30		Kĩ năng giao tiếp	2	30		60	
II	Nội dung giáo dục chuyên nghiệp		90				
	Lĩnh vực cơ sở ngành và liên ngành		50				
		<i>Các môn bắt buộc</i>					
31		Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	4	30	30	120	
32		Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	4	30	30	120	
33		Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	4	30	30	120	
34		Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	4	30	30	120	
35		Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	4	30	30	120	
36		Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6	4	30	30	120	
37		Kĩ năng nghe 1	2	15	15	60	
38		Kĩ năng nói 1	2	15	15	60	
39		Kĩ năng đọc 1	2	15	15	60	
40		Kĩ năng viết 1	2	15	15	60	
41		Kĩ năng nghe 2	2	15	15	60	
42		Kĩ năng nói 2	2	15	15	60	
43		Kĩ năng đọc 2	2	15	15	60	
44		Kĩ năng viết 2	2	15	15	60	
45		Kĩ năng nghe 3	3	15	30	90	
46		Kĩ năng nói 3	3	15	30	90	
47		Kĩ năng đọc 3	2	15	15	60	
48		Kĩ năng viết 3	2	15	15	60	
	Lĩnh vực ngành						
		<i>Các môn bắt buộc</i>	22				
49		Đất nước học Trung Quốc	3	30	15	90	

50		Luyện thi HSK	3	15	30	90	
51		Từ vựng học tiếng Trung Quốc	2	15	15	90	
52		Văn học Trung Quốc	3	30	15	90	
53		Ngữ pháp Tiếng Hán hiện đại	3	30	15	90	
54		Phiên dịch cơ sở	3	15	30	90	
55		Biên dịch cơ sở	3	15	30	90	
		Các môn tự chọn					
56		Ngữ âm văn tự tiếng Hán	2	15	15	60	
57		PP NCKH trong ngôn ngữ Trung Quốc	2	15	15	60	
		Lĩnh vực chuyên ngành	18				
Định hướng biên phiên dịch							
		Các môn bắt buộc					
58		Phiên dịch nâng cao	4	15	45	120	
59		Biên dịch nâng cao	4	15	45	120	
60		Lý thuyết dịch	3	30	15	90	
61		Dịch thương mại	4	15	45	120	
		Các môn tự chọn					
62		Dịch chuyên đề	3	15	30	90	
63		Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	30	15	90	
64		Dịch văn học	3	15	30	90	
Định hướng du lịch							
		Các môn bắt buộc					
65		Tiếng Trung Quốc khách sạn - nhà hàng	60	15	45	120	
66		Tiếng Trung Quốc du lịch	60	15	45	120	
67		Tiếng Trung Quốc thuyết minh cảnh quan du lịch	60	15	45	120	
68		Tiếng Trung Quốc thương mại	3	15	30	90	
		Các môn tự chọn					
69		Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	3	30	15	90	
70		Tiếng Hán cổ đại	3	30	15	90	
IV		Nội dung thực tập	9				
71		Thực tập 1	2		60	60	
72		Thực tập 2	3		90	90	
73		Thực tập 3	4		120	120	
V		Khoá luận tốt nghiệp	8				
74		Khóa luận TN	8		240	240	

VI	Học phần thay thế khóa luận (chọn học 3 môn – tổng là 8 TC)						
Định hướng biên phiên dịch							
75		Phiên dịch chuyên ngành	3	15	30	90	
76		Biên dịch chuyên ngành	3	15	30	90	
77		Đôi chiếu ngôn ngữ Trung Việt	3	30	15	90	
78		Văn hóa Trung Quốc	2	15	15	60	
79		Giao tiếp liên văn hóa	2	15	15	60	
Định hướng du lịch							
80		Hướng dẫn du lịch Việt Nam	3	15	30	90	
81		Thuyết trình tiếng Hán	3	15	30	90	
82		Đôi chiếu ngôn ngữ Trung Việt	3	30	15	90	
83		Văn hóa Trung Quốc	2	15	15	60	
84		Giao tiếp liên văn hóa	2	15	15	60	
		Tổng cộng	130				

D. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HỌC TẬP

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Tổng tiết	Lý thuyết	Thực hành	Học kỳ dự kiến
1	30TRA045	Giáo dục thể chất 1	0	30	0	30	1
2	20TRA003	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	30	30	0	1
3	20TRA002	Giáo dục quốc phòng an ninh 1	0	45	45	0	1
4		Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	4	60	30	30	1
5		Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	4	60	30	30	1
6		Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	4	60	30	30	1
	Tự chọn 1: chọn 1 trong các học phần						
7	20TRA004	Tin học cơ bản	2	45	15	30	1
8	30TRA110	Phát triển năng lực thông tin trong kĩ nguyên số	2	45	15	30	1
9		Bảng tính					
10		Đồ họa máy tính					
	Tổng số TC kì 1		16				
11	30TRA048	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	45	45		2

12	30TRA046	Giáo dục thể chất 2	0	30	0	30	2
13	20TRA006	Giáo dục quốc phòng an ninh 2	0	30	30	0	2
14		Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	4	60	30	30	2
15		Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	4	60	30	30	2
16		Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6	4	60	30	30	2
Tự chọn 2: chọn 1 trong các học phần							
17	30HIS006	Hà Nội học	2	30	30	0	2
18	20TRA015	Dân số môi trường, phòng chống AIDS và ma túy	2	30	30	0	2
19	30EDU001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	30	0	2
20	30HIS022	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0	2
21	20TRA016	Biển và hải đảo Việt Nam	2	30	30	0	2
22	30CIV006	Kinh tế học đại cương	2	45	15	30	2
23	20TRA014	GD vì sự phát triển bền vững	2	30	30	0	2
24	30CIV075	Những vấn đề của thời đại ngày nay	2	60	30	0	2
Tổng số TC kì 2			17				
25	20TRA017	Giáo dục quốc phòng an ninh 3	0	60	30	30	3
26	20TRA021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	3
27	30TRA003	Giáo dục thể chất 3	0	30	0	30	3
28	30CHI007	Kỹ năng nghe 1	2	30	15	15	3
29	30CHI008	Kỹ năng nói 1	2	30	15	15	3
30	30CHI009	Kỹ năng đọc 1	2	30	15	15	3
31	30CHI010	Kỹ năng viết 1	2	30	15	15	3
32	30CHI017	Ngữ pháp Tiếng Hán hiện đại	3	45	30	15	3
Tự chọn 3: chọn 1 trong các học phần							
33	30TRA023	Tiếng Anh	5	75	75	0	2
34	30TRA025	Tiếng Hàn Quốc	5	75	75	0	2
Tự chọn 4: chọn 1 trong các học phần							
35	20TRA010	Tiếng Việt thực hành	2	30	30	0	3
36	30TRA080	Kỹ năng quản lý tài chính cá nhân	2	45	15	30	3
37	30TRA111	Âm nhạc và cảm thụ âm nhạc	2	30		60	3
38	30TRA112	Mĩ thuật và cảm thụ mỹ thuật	2	30		60	3
Tổng số TC kì 3			20				

39	20TRA019	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45	45	0	4
40	30CHI011	Kĩ năng nghe 2	2	30	15	15	4
41	30CHI012	Kĩ năng nói 2	2	30	15	15	4
42	30CHI013	Kĩ năng đọc 2	2	30	15	15	4
43	30CHI014	Kĩ năng viết 2	2	30	15	15	4
44	30CHI020	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	2	30	15	15	4
Tự chọn 5: chọn 1 trong các học phần							
45	30CHI029	Ngữ âm văn tự tiếng Hán	2	30	15	15	4
46		PP NCKH trong ngôn ngữ Trung Quốc	2	30	15	15	4
Tổng số TC kì 4			15				
47	30CHI076	Kĩ năng nghe 3	3	45	15	30	5
48	30CHI077	Kĩ năng nói 3	3	45	15	30	5
49	30CHI015	kĩ năng đọc 3	2	30	15	15	5
50	30CHI016	kĩ năng viết 3	2	30	15	15	5
51	30CHI031	Biên dịch cơ sở	3	45	15	30	5
52	30CHI030	Phiên dịch cơ sở	3	45	15	30	5
Tổng số TC kì 5			16				
53	30POL004	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	6
54	30CHI018	Đất nước học Trung Quốc	3	45	30	15	6
55	30CHI022	Văn học Trung Quốc	3	45	30	15	6
56	30CHI019	Luyện thi HSK	3	45	15	30	6
57	30CHI053	Thực tập CN 1	2	60	0	60	6
58	30CHI054	Thực tập CN 2	3	90	0	90	6
Tổng số TC kì 6			16				
Định hướng phiên dịch							
59		Phiên dịch nâng cao	4	60	15	45	7
60		Biên dịch nâng cao	4	60	15	45	7
61		Lý thuyết dịch	3	45	30	15	7
62		Dịch thương mại	4	60	15	45	7
Tự chọn 6: chọn 1 trong các học phần							
63		Dịch chuyên đề	3	45	15	30	7
64		Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	45	30	15	7
65		Dịch văn học	3	45	15	30	7
Định hướng du lịch							
66	30CHI042	Tiếng Trung Quốc du lịch	4	60	15	45	7
67	30CHI043	Tiếng Trung Quốc thuyết minh cảnh quan du lịch	4	60	15	45	7
68	30CHI021	Tiếng Trung Quốc thương mại	3	45	15	30	7
69	30CHI041	Tiếng Trung Quốc khách sạn - nhà hàng	4	60	15	45	7

Tự chọn 7: chọn 1 trong các học phần							
70	30CHI025	Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	3	45	30	15	7
71	30CHI027	Tiếng Hán cổ đại	3	45	30	15	7
Tổng số TC kì 7			18				
72	30CHI055	Thực tập CN 3	4	120	0	120	8
73	30AMA049	Khóa luận	8	240	0	240	8
Học phần thay thế khóa luận							
Định hướng biên phiên dịch							
Tự chọn 8: chọn 8TC trong các học phần							
74		Phiên dịch chuyên ngành	3	45	15	30	8
75		Biên dịch chuyên ngành	3	45	15	30	8
76	30CHI058	Đổi chiếu ngôn ngữ Trung Việt	3	45	30	15	8
77	30CHI059	Văn hóa Trung Quốc	2	30	15	15	8
78	30CHI060	Giao tiếp liên văn hóa	2	30	15	15	8
Định hướng du lịch							
Tự chọn 9: chọn 8TC trong các học phần							
79	30CHI061	Hướng dẫn du lịch Việt Nam	3	45	15	30	8
80	30CHI062	Thuyết trình tiếng Hán	3	45	15	30	8
	30CHI058	Đổi chiếu ngôn ngữ Trung Việt	3	45	30	15	8
	30CHI059	Văn hóa Trung Quốc	2	30	15	15	8
	30CHI060	Giao tiếp liên văn hóa	2	30	15	15	8
Tổng số TC kì 8			12				
Tổng thời lượng CT			130				

E. MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

1. Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin 1 **2 tín chỉ**

2. Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin 2 **3 tín chỉ**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho người học khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh **2 tín chỉ**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho người học khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam **3 tín chỉ**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ

đại học, cao đẳng dùng cho người học khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

5. Pháp luật đại cương

2 tín chỉ

Nội dung ban hành tại Quyết định số 33/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 22/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cung cấp cho người học một số vấn đề cơ bản của hành chính Nhà nước và ngành, hiểu được bản chất và các lĩnh vực quản lý Nhà nước. Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho người học trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, trong việc giáo dục học sinh ở trường phổ thông. Pháp luật học trang bị những tri thức cơ bản về pháp luật, pháp chế và các ngành luật trong hệ thống luật Việt Nam. Thông qua sự nhận thức đúng đắn về pháp luật, người học nâng cao ý thức pháp luật, định hướng hành động trong khuôn khổ luật pháp.

6. Giáo dục thể chất 1

7. Giáo dục thể chất 2

8. Giáo dục thể chất 3

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/QĐ-BGD&ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giáo dục quốc phòng – an ninh 1

10. Giáo dục quốc phòng – an ninh 2

11. Giáo dục quốc phòng – an ninh 3

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Tiếng Anh

5 tín chỉ

Cung cấp những kiến thức cơ bản, tạo cơ sở để người học nghiên cứu và giao tiếp thông thường. Yêu cầu hết khóa học, người học phải đạt được trình độ B1 đối với tiếng Anh.

13. Tiếng Hàn Quốc

5 tín chỉ

Cung cấp những kiến thức cơ bản, tạo cơ sở để người học nghiên cứu và giao tiếp thông thường. Yêu cầu hết khóa học, người học phải đạt được trình độ A2 đối với tiếng Hàn Quốc.

14. Tin học cơ bản

2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông theo định hướng nâng cao năng lực xử lý thông tin, bao gồm tìm kiếm thông tin, lưu trữ, xử lý và trình bày thông tin. Qua học phần, người học được rèn luyện các kỹ năng công nghệ thông tin như: khai thác thông tin trên Internet, sử dụng công cụ tin học văn phòng để xử lý và trình bày thông tin,...

15. Xử lý bảng tính

2 tín chỉ

16. Đồ họa máy tính**2 tín chỉ****17. Phát triển năng lực thông tin trong kĩ nguyên số****2 tín chỉ****18. Hà Nội học****2 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về: lịch sử, địa lý, các làng nghề thủ công truyền thống ở Hà Nội, các nét văn hoá đặc trưng ở Hà Nội: ẩm thực, danh nhân Hà Nội, kiến trúc phố cổ...

1 Biển và hải đảo Việt Nam**2 tín chỉ**

Học phần đề cập tới những vấn đề chung về biển và đại dương, đặc điểm địa lí tự nhiên biển Đông và vùng biển đảo Việt Nam; Đánh giá tiềm năng và tình hình phát triển kinh tế biển của nước ta. Mối quan hệ cơ bản giữa sự khai thác bền vững tài nguyên biển và hải đảo với vấn đề bảo vệ môi trường và an ninh biển ở Việt Nam và trong khu vực.

20. Cơ sở văn hóa Việt Nam**2 tín chỉ**

Trình bày các khái niệm về văn hóa, văn hóa học và đại cương về tiến trình văn hóa Việt Nam, không gian văn hóa Việt Nam. Chỉ ra các loại hình văn hóa Việt Nam, các yếu tố cấu thành văn hóa Việt Nam và nội hàm của các yếu tố đó. Làm sáng tỏ văn hóa Việt Nam là tổng hòa các giá trị vật chất và tinh thần do các thế hệ người Việt Nam tạo nên trong quá trình tương tác với tự nhiên, xã hội và con người: Tác động đến tự nhiên như: Ăn, ở, mặc...; Tác động đến xã hội như: phong tục tập quán, tôn giáo, triết học, đạo đức...; Tác động đến chính con người: các giá trị như Chân-chân thật- giá trị nhân bản. Thiện – tốt- giá trị nhân đạo. Mĩ-đẹp-giá trị nhân văn..

21. Kinh tế học đại cương**2 tín chỉ****22. Lịch sử văn minh thế giới****2 tín chỉ**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử phát sinh, phát triển của các nền văn minh lớn trong lịch sử nhân loại từ thời cổ, trung đến cận hiện đại với những nội dung cơ bản: Các điều kiện cho sự hình thành và phát triển của các nền văn minh, những thành tựu chủ yếu, những điểm tương đồng và dị biệt giữa các nền văn minh.

23. Dân số- Môi trường- Phòng chống AIDS và ma túy**2 tín chỉ**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về dân số, môi trường, AIDS, ma túy, các phương pháp giáo dục và tuyên truyền. Tạo điều kiện để người học ra trường có kiến thức và kĩ năng thực hiện việc tích hợp các nội dung này trong giảng dạy ở THCS.

24. Giáo dục vì sự phát triển bền vững**2 tín chỉ**

Học phần cung cấp những quan điểm, kiến thức, kĩ năng, phương pháp giáo dục phát triển bền vững môi trường. Trên cơ sở đó, hình thành những triển vọng phát triển bền vững và giáo dục phát triển bền vững ở trường phổ thông. Vận dụng quan điểm và phương pháp của giáo dục vì sự phát triển bền vững để giảng dạy các nội dung có liên quan trong chương trình các học phần ở trường phổ thông.

25. Những vấn đề của thời đại ngày nay **2 tín chỉ**

26. Tiếng Việt thực hành **2 tín chỉ**

Tiếng Việt thực hành là học phân cung cấp những hiểu biết về tiếng Việt và rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt, cụ thể là các kỹ năng nói, nghe, đọc, viết trong điều kiện giao tiếp văn hoá; đặc biệt là kỹ năng tạo lập văn bản.

27. Kỹ năng quản lí tài chính cá nhân **2 tín chỉ**

28. Âm nhạc và cảm thụ âm nhạc **2 tín chỉ**

2 Mỹ thuật và cảm thụ mỹ thuật **2 tín chỉ**

30. Kỹ năng giao tiếp **2 tín chỉ**

31. TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 1 **4 tín chỉ**

Học phần **Tiếng quốc tổng hợp 1** bao gồm 20 bài trong cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 1 – quyển thượng và quyển hạ. Học phần tập trung giảng dạy và luyện tập ngữ âm cơ bản của tiếng Hán. Bên cạnh đó, học phần bước đầu giới thiệu quy tắc viết và các nét cơ bản của tiếng Hán, từ đó giúp người học dễ dàng làm quen với chữ Hán, tiếp nhận lượng từ vựng học phần đưa ra. Từ vựng của học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1 chủ yếu về các chủ đề giao tiếp thường nhật, hỏi nghề nghiệp, quốc tịch, mua bán, tiền tệ, thói quen ăn uống... Học phần Tiếng quốc tổng hợp 1 ban đầu đưa ra một số khái niệm ngữ pháp đơn giản như: câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi lựa chọn dùng 还是, câu hỏi tình lược dùng 呢, câu hỏi dùng trợ từ nghi vấn “吗”, câu hỏi chính phản, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn...từ đó giúp người học làm quen dần với cách thành lập câu và xây dựng hội thoại, đoạn văn.

32. TIẾNG QUỐC TỔNG HỢP 2 **4 tín chỉ**

Tiếng quốc tổng hợp 2 bao gồm 10 bài (từ bài 20 đến bài 30) trong cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 1 – quyển hạ và 7 bài (từ bài 31 đến bài 37) trong cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 2 – quyển thượng. **Tiếng quốc tổng hợp 2** cung cấp cho người học những từ vựng, kiến thức về các chủ đề y học, trường học, ẩm thực, văn hóa, nghệ thuật, du lịch,... Đồng thời, học phần này yêu cầu người học lĩnh hội những ngữ pháp phức tạp như câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí, câu so sánh, câu bị động, bỏ ngữ trạng thái, bỏ ngữ kết quả, bỏ ngữ thời lượng, bỏ ngữ xu hướng đơn, bỏ ngữ động lượng, các kết cấu ngữ pháp... Hệ thống ngữ pháp và từ vựng được triển khai trong bài khóa góp phần giúp người học làm quen và rèn luyện, nâng cao bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; rèn luyện khả năng giao tiếp và miêu tả diễn đạt đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc...

33. TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 3 **4 tín chỉ**

Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3 bao gồm từ bài 38 đến bài 45 cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 2 cuốn thượng và từ bài 46 đến bài 50 cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 2 cuốn hạ. Học phần **Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3** có trọng tâm dạy học là phần bài khoá. Phần

bài khoá vẫn ở thể loại hội thoại như các học phần trước, giảng viên thông qua bài khoá giúp người học lĩnh hội được các kết cấu ngữ pháp và ý nghĩa của nó trong tiếng Trung Quốc. Các trọng điểm ngữ pháp chủ yếu là: Câu chữ 被, câu tồn hiện, câu chữ 把, bổ ngữ xu hướng phức, bổ ngữ khả năng, bổ ngữ trạng thái, danh từ lặp lại, số lượng từ lặp lại, trợ từ 着, câu phức... Học phần này cung cấp hệ thống bài tập phong phú, bao gồm rất nhiều thể loại khác nhau: ngữ âm, thay thế, chọn từ điền trống, đặt câu theo mẫu, hoàn thành hội thoại, hoàn thành câu, trả lời câu hỏi theo tình hình thực tế, sửa câu sai, hội thoại giao tiếp, đọc hiểu, viết chữ Hán, điền từ tổng hợp...

34. TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 4

4 tín chỉ

Học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4 bao gồm 10 bài từ bài 51 đến bài 60 của cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 2 cuốn hạ. Học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4 tiếp tục đi sâu hơn với các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Trung Quốc. Giới thiệu đến người học cách sử dụng bổ ngữ khả năng, cách phân biệt và cách dùng của một số từ trọng điểm quan trọng. Ngoài ra, thông qua bài khóa (giảng dạy ngữ đoạn) với những mảng nội dung phong phú, giới thiệu những kiến thức về đất nước, con người Trung Quốc; giúp người học hiểu biết sâu hơn về ngữ pháp và vận dụng từ ngữ, để nâng cao hơn nữa khả năng biểu đạt thành đoạn văn. Phần bài tập của học phần này phân cấp từ dễ đến khó, tiếp tục rèn luyện kỹ năng giao tiếp, mô phỏng và bồi dưỡng trí nhớ cho người học.

35. TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 5

4 tín chỉ

Học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5 bao gồm 10 bài từ bài 61 đến bài 70 cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 3 quyển thượng. Nội dung của học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5 tiếp tục đi sâu giới thiệu các cách sử dụng mở rộng của từ, giúp người học có cách sử dụng từ, diễn đạt câu một linh hoạt và đắt giá hơn. Ngoài ra, từ những nội dung được học trong các bài khóa của bài, người học cũng được hiểu hơn các lĩnh vực về đất nước, con người Trung Quốc; từ đó có thể viết được các bài văn và thuyết trình được các vấn đề liên quan đến chủ đề học. tiếng

36. TIẾNG TRUNG QUỐC TỔNG HỢP 6

4 tín chỉ

Học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6 bao gồm 10 bài cuối cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 3 quyển thượng. Nội dung của học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6 tiếp tục đi sâu hơn với các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong Trung Quốc. Giới thiệu đến người học cách sử dụng bổ ngữ khả năng, cách phân biệt và cách dùng của một số từ trọng điểm quan trọng. Ngoài ra, thông qua bài khóa (giảng dạy ngữ đoạn) với những mảng nội dung phong phú, giới thiệu những kiến thức về đất nước, con người Trung Quốc; giúp người học hiểu biết sâu hơn về ngữ pháp và vận dụng từ ngữ, để nâng cao hơn nữa khả năng biểu đạt thành đoạn văn. Phần bài tập của học phần này phân cấp từ

dễ đến khó, tiếp tục rèn luyện kỹ năng giao tiếp, mô phỏng và bồi dưỡng trí nhớ cho người học.

37. KỸ NĂNG NGHE 1

2 tín chỉ

Học phần **Kỹ năng Nghe 1** bao gồm 10 bài trong cuốn “汉语听力速成-基础篇，北京语言大学出版社”. Bên cạnh việc củng cố lại những kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp mà người học đã được học ở các học phần trước, học phần **Kỹ năng Nghe 1** cung cấp mở rộng vốn từ vựng cùng một số các từ trọng điểm và kết cấu ngữ pháp, giúp người học có thể nghe hiểu các câu văn, đoạn văn, đoạn hội thoại ngắn, đơn giản.

38. KỸ NĂNG NÓI 1

2 tín chỉ

Học phần **Kỹ năng nói 1** giúp người học rèn luyện ngữ âm, củng cố những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã học ở các học phần trước, sử dụng thành thạo các lớp từ mở rộng theo từng chủ đề. Qua quá trình học tập, người học có khả năng diễn đạt miêu tả đặc điểm, tính chất, trạng thái của con người, sự vật, sự việc; biết đưa ra ý kiến của bản thân về các vấn đề xã hội phổ biến; biết sử dụng tiếng Trung để giải thích, thuyết minh, khen ngợi tán thưởng hoặc biểu đạt cảm xúc cá nhân (ngạc nhiên, tin tưởng, lưỡng lự, nghi hoặc, phủ định...).

3 KỸ NĂNG ĐỌC 1

2 tín chỉ

Học phần **Kỹ năng đọc 1** gồm 30 bài, chia thành 3 nội dung chính, giới thiệu có hệ thống các kỹ năng đọc lướt, đọc kỹ, đọc có chọn lọc, đọc tra cứu, cách đoán ý nghĩa từ (chữ) mới, cách lí giải ý nghĩa của câu văn. Mỗi bài trong giáo trình 中级汉语阅读教程 I được thiết kế với hệ thống những đoạn văn, bài văn cùng bài tập đi kèm theo từng kỹ năng cần rèn luyện để người học có thể nâng cao kỹ năng đọc. Nội dung bài đọc mới mẻ, lý thú, thích hợp với nhu cầu tìm hiểu tri thức, văn hóa của người học. Chúng đề cập tới những vấn đề gần gũi với cuộc sống như tâm tư tình cảm, mối quan hệ giao tiếp ứng xử của con người, môi trường, khoa học kỹ thuật, lịch sử địa lí, văn hóa.....

40. KỸ NĂNG VIẾT 1

2 tín chỉ

Học phần **Kỹ năng Viết 1** gồm các nội dung: giới thiệu bản thân, nhìn tranh kể chuyện, mở rộng phát triển câu truyện, viết thông báo, thư mời, thư tín cơ bản và thư tín xã hội. Bên cạnh các nội dung nói trên còn có một số kiến thức về ngôn ngữ đi kèm như: dấu câu, cách sử dụng đại từ, danh lượng từ v.v. Trong học phần **Kỹ năng Viết 1**, người học được rèn luyện kỹ năng nghe viết tiếng Hán, kỹ năng viết các văn bản cơ bản, thông dụng trong cuộc sống hàng ngày, cách viết một đoạn văn kể chuyện. Thông qua việc rèn luyện, người học có thể nắm vững kỹ năng viết, kỹ năng sử dụng dấu câu, đặc biệt là khả năng diễn đạt, cách thức trình bày và các từ ngữ thường dùng trong các văn bản thông dụng, cũng như trong cách diễn đạt, kể lại một câu chuyện hoàn chỉnh.

41. KỸ NĂNG NGHE 2

2 tín chỉ

Học phần **Kỹ năng Nghe 2** bao gồm 7 bài nằm trong 2 giáo trình “汉语听力速成-提高篇，北京语言大学出版社”. Học phần **Kỹ năng Nghe 2** đưa ra đa dạng các bài tập của kỹ năng nghe như viết phiên âm, điền từ, lựa chọn đáp án đúng, phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi, thuật lại nội dung đã nghe... Đồng thời bổ sung, mở rộng nâng cao vốn kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cho người học.

42. KỸ NĂNG NÓI 2

2 tín chỉ

Học phần **Kỹ năng nói 2** giúp người học củng cố những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã học ở các học phần trước, sử dụng thành thạo các lớp từ mở rộng theo từng chủ đề. Người học vận dụng kiến thức đã học tiến hành thảo luận về các chủ đề như thuê nhà, tín nhiệm và thách thức, phương pháp học tập và thi cử, người học đi làm thêm, tìm việc làm, du lịch, chuyện đáng nhớ... Qua quá trình học tập, người học có khả năng sử dụng tiếng Trung biểu đạt so sánh lựa chọn, đưa ra kiến nghị, thuyết minh giới thiệu, phản đối, đảm bảo, giới thiệu thuyết phục...

43. KỸ NĂNG ĐỌC 2

2 tín chỉ

Học phần **Kỹ năng đọc 2** gồm 30 bài trong giáo trình 《汉语中级阅读教程》II được phân chia thành sáu nhóm nội dung nhỏ gồm kỹ năng xác định quan điểm chính, nắm bắt từ chủ điểm, dự đoán ý nghĩa văn bản, đọc đánh giá, đọc phân tích thành phần câu và đọc nhiều thể loại văn bản khác nhau như văn thuyết minh, nghị luận, tin tức, tản văn. Hệ thống bài khóa được thiết kế với nội dung phong phú đa dạng, phù hợp với trình độ, giúp người học hình thành và rèn luyện kỹ năng Đọc, đồng thời học hỏi được nhiều kiến thức về văn hóa xã hội, kinh tế chính trị, giáo dục, lịch sử địa lý... Cấu trúc một bài được thiết kế hợp lý gồm cả hoạt động dẫn nhập, hoạt động nhóm và hoạt động cá nhân, giúp người học không những lĩnh hội được kiến thức mà còn rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, có lợi cho công việc sau này.

44. KỸ NĂNG VIẾT 2

2 tín chỉ

Học phần **Kỹ năng Viết 2** gồm các nội dung: Luyện viết các bài văn miêu tả, trần thuật, viết về thành thị và nông thôn, tả cảnh vật bốn mùa, tả các buổi trong ngày, tả người, tả sự vật sự việc. Thông qua việc triển khai làm các bài tập viết trong học phần Kỹ năng Viết 2, người học được nâng cao vốn kiến thức về từ vựng và ngữ pháp tiếng Hán. Đồng thời nắm được các từ vựng, mẫu câu thường dùng trong kể chuyện, miêu tả cảnh vật và tả người. Trong học phần **Kỹ năng Viết 2**, người học được rèn luyện kỹ năng viết văn trần thuật, văn miêu tả. Thông qua việc rèn luyện, người học có thể nắm vững cách thức triển khai các phần mở, thân, kết của một bài văn miêu tả, trần thuật, nắm vững các cách làm bài tập viết theo dàn ý, viết theo chủ đề.

45. KỸ NĂNG NGHE 3

3 tín chỉ

Học phần “**Kỹ năng Nghe 3**” gồm các bài trong cuốn “汉语听力速成-中级版-北京语言大学出版社”. Học phần “**Kỹ năng Nghe 3**” cung cấp cho người học đa dạng các loại bài tập của kỹ năng nghe như điền từ, lựa chọn đáp án đúng, phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi,... Đồng thời bổ sung, mở rộng nâng cao vốn kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp cho người học, đặc biệt là cung cấp vốn từ vựng khá phong phú về các vấn đề xã hội, khí hậu, giao thông.....

46. KỸ NĂNG NÓI 3

3 tín chỉ

Học phần **Kỹ năng Nói 3** giúp người học rèn luyện kỹ năng nói nâng cao, củng cố và mở rộng nâng cao những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; đồng thời cung cấp cho người học các lớp từ mở rộng nâng cao theo từng chủ đề như: gia đình và xã hội, hôn nhân, giáo dục, tình yêu, công việc, kinh doanh, pháp luật, hàng nhập khẩu, môi trường.... Rèn luyện khả năng đối thoại hoặc trình bày lưu loát một vấn đề.

47. KỸ NĂNG ĐỌC 3

2 tín chỉ

Học phần **Kỹ năng đọc 3** gồm 15 bài trong giáo trình 《步步高汉语阅读教程》第五册, mục đích nhằm tăng lượng từ vựng, giúp người đọc hình thành ngữ cảm. Giáo trình cuốn 5 lựa chọn một số bài khóa được cải biên từ nguyên tác cho phù hợp với trình độ của người học, giúp người học rèn luyện và nâng cao kỹ năng Đọc. Từ vựng và ngữ pháp được thiết kế ở trình độ cao cấp, nội dung phù hợp với đối tượng người học trẻ, nguồn trích dẫn đa dạng, sắp xếp khoa học, nội dung luyện tập tiêu chuẩn. Cấu trúc một bài học gồm khoảng 4 bài khóa và phần luyện tập, phù hợp với thời lượng học khoảng hai tiết.

48. KỸ NĂNG VIẾT 3

2 tín chỉ

Học phần **Kỹ năng Viết 3** chú trọng rèn luyện các kỹ năng viết chuyên sâu về văn bản ứng dụng trong thương mại như :thư giới thiệu, hồ sơ xin việc, thư tuyển dụng, thư đáp tạ, phát biểu khai mạc, bế mạc và các lời từ khi đón tiếp, tiễn đưa, chúc rượu... Thông qua học phần này, người học hiểu rõ hơn về các kiến thức cơ bản liên quan đến văn bản thương mại, nâng cao khả năng phân tích và đọc văn bản thương mại cho người học. Trong học phần này, lượng từ vựng tăng lên, người học được rèn luyện viết thành thạo các văn bản mang tính ứng dụng thực tế cao, phục vụ cho công việc sau này, đặc biệt là các công việc theo định hướng thương mại.

4 ĐẤT NƯỚC HỌC TRUNG QUỐC

3 tín chỉ

Học phần **Đất nước học Trung Quốc** cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về điều kiện tự nhiên, dân tộc và phong tục tập quán tiêu biểu, tôn giáo, chế độ chính trị, kinh tế, lối sống ... của Trung Quốc; kiến thức về quá trình phát triển của lịch sử Trung Quốc từ thời kỳ nguyên thủy đến nay; kiến thức chung về văn hóa Trung Quốc bao

gồm tư tưởng, tôn giáo, chữ Viết, nghệ thuật thư pháp, hội họa...; vốn từ vựng liên quan đến các lĩnh vực nói trên.

Thông qua các bài học, người học có hiểu biết khái quát về lịch sử và văn hóa Trung Quốc trên cơ sở đó có thể tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức cho mình hoặc tiến hành đối chiếu so sánh giữa Trung Quốc và Việt Nam.

50. LUYỆN THI HSK

3 tín chỉ

Học phần **Luyện thi HSK** nhằm hướng tới mục tiêu giúp cho người học có cái nhìn toàn diện về cuộc thi HSK và các dạng đề thường gặp khi thi HSK. Học phần đưa ra các phương pháp làm bài của các kỹ năng cụ thể là nghe, nói, đọc, viết để giúp người học tự tin hơn khi thi HSK. Học phần chia làm hai giai đoạn, giai đoạn đầu giới thiệu các kỹ năng và những bài tập bổ trợ liên quan, giai đoạn sau là làm các bài luyện thi HSK tổng hợp sau khi đã được học kỹ năng.

51. TỪ VỰNG HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC

2 tín chỉ

Học phần **Từ vựng học tiếng Trung Quốc** cung cấp kiến thức về lý luận ngôn ngữ học ứng dụng trong tiếng Trung Quốc, nhằm hoàn thiện năng lực ngôn ngữ của người học. Trên cơ sở khái quát chung về từ vựng tiếng Trung Quốc hiện đại, học phần đi sâu giới thiệu về hệ thống từ vựng như: cấu tạo, tính chất, đặc điểm, ý nghĩa của từ; mối quan hệ giữa các từ (đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng âm, đồng tố...); các cụm từ cố định (thành ngữ, quán dụng ngữ, tiết hậu ngữ, ngạn ngữ); mối quan hệ giữa từ vựng và văn hóa. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn cho người học vận dụng các kiến thức đã học vào giao tiếp và văn bản, lựa chọn từ ngữ hợp ngữ cảnh, đạt hiệu quả biểu đạt cao.

52. VĂN HỌC TRUNG QUỐC

3 tín chỉ

Học phần **Văn học Trung Quốc** cung cấp cho người học bức tranh chung về bối cảnh xã hội, tình hình phát triển, nội dung tư tưởng và đặc điểm nghệ thuật của văn học hiện đương đại Trung Quốc. Trên cơ sở những kiến thức chung về tình hình văn học, học phần còn giới thiệu một số tác gia và tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn văn học này, gồm Lỗ Tấn, Ba Kim, Lão Xá, Cao Hiểu Thanh,... Đồng thời trích giảng một số tác phẩm hoặc đoạn trích tiêu biểu.

53. NGỮ PHÁP TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI

3 tín chỉ

Học phần **Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại** nhằm hình thành cho người học một cách vững chắc kiến thức lý thuyết về hệ thống ngữ pháp cơ bản của tiếng Hán hiện đại. Qua những kiến thức ngữ pháp thu được đó, người học có thể chủ động hơn trong việc thực hành tiếng Hán, vận dụng chính xác quy luật ngữ pháp cơ bản của tiếng Hán để tiến hành giao tiếp một cách chuẩn xác. Ngoài ra từ những kiến thức ngữ pháp thu được, người học thực hành tốt hơn trong các môn chuyên ngành phiên dịch.

Học phần **Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại** chủ yếu giới thiệu các kiến thức chuyên sâu về mặt từ pháp và cú pháp, củng cố vững chắc kỹ năng kỹ xảo vào việc vận dụng quy luật ngữ pháp tiếng Hán hiện đại trong cách dùng từ và câu.

54. PHIÊN DỊCH CƠ SỞ

3 tín chỉ

Học phần **Phiên dịch cơ sở** nhằm trang bị lý thuyết về dịch thuật cơ bản, những cụm từ vựng căn bản phục vụ công tác phiên dịch và thực hành phiên dịch một số bài dịch nói với nội dung liên quan đến văn hóa, giáo dục, khoa học, kinh tế thương mại, thể thao, du lịch, chính trị... ; rèn luyện cho người học khả năng thực hành dịch nói trên cơ sở năng lực thực hành tiếng đã có. Học phần còn phát triển kỹ năng biểu đạt giúp người học nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình, nắm chắc hơn về ngữ pháp, từ vựng tiếng Trung Quốc và có nền tảng vững chắc để tiếp thu các học phần chuyên ngành khác.

55. BIÊN DỊCH CƠ SỞ

3 tín chỉ

Học phần **Biên dịch cơ sở** nhằm trang bị lý thuyết về dịch thuật cơ bản, những cụm từ vựng căn bản phục vụ công tác biên dịch và thực hành biên dịch một số bài dịch với nội dung liên quan đến văn hóa, giáo dục, khoa học, kinh tế thương mại, thể thao, du lịch, chính trị... ; rèn luyện cho người học khả năng thực hành dịch viết trên cơ sở năng lực thực hành tiếng đã có. Học phần còn phát triển kỹ năng biểu đạt giúp người học nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình, nắm chắc hơn về ngữ pháp, từ vựng tiếng Trung Quốc và có nền tảng vững chắc để tiếp thu các học phần chuyên ngành khác.

56. NGŨ ÂM VĂN TỰ TIẾNG HÁN

2 tín chỉ

Học phần **Ngữ âm văn tự tiếng Hán** cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực ngữ âm và văn tự. Về ngữ âm, học phần giúp người học hiểu về bản chất của hệ thống ngữ âm tiếng Trung Quốc, đặc điểm của âm thanh, hệ thống thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu, ngữ điệu, sự biến đổi âm, thanh điệu tiếng Hán. Về văn tự, học phần cung cấp cho người học lịch sử hình thành, quá trình diễn biến và xu thế phát triển chữ Hán, tính chất, đặc điểm và cấu tạo của chữ Hán, hình thái, âm đọc, ý nghĩa, số lượng chữ Hán, quy luật giản hóa và quy phạm hóa chữ Hán. Thông qua học phần, người học có thể điều chỉnh phát âm, nâng cao kỹ năng Nói và Viết.

57. PP NCKH TRONG NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

2 tín chỉ

Học phần **Phương pháp NCKH trong ngôn ngữ Trung Quốc** cung cấp cho người học đối tượng, phạm vi, nhiệm vụ, những khái niệm cơ bản và các kiến thức liên quan đến phương pháp luận nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu, cách tìm đề tài, thu thập tài liệu, dữ liệu, xây dựng đề cương và thực hiện trọn vẹn một nghiên cứu hoặc đề tài, luận văn bằng tiếng Trung Quốc (hoặc tiếng Việt).

58. PHIÊN DỊCH NÂNG CAO

4 tín chỉ

Học phần **Phiên dịch nâng cao** cung cấp thêm cho người học lượng từ vựng và các cấu trúc thông dụng phục vụ công tác phiên dịch và thực hành phiên dịch một số bài dịch nói với nội dung liên quan đến văn hóa, văn học, ngoại giao, kinh tế thương mại, tin tức, du lịch, đời sống, phong tục tập quán... ; rèn luyện cho người học khả năng thực hành dịch nói những nội dung, chủ đề chuyên sâu hơn trên cơ sở năng lực phiên dịch cơ sở đã có. Học phần Phiên dịch nâng cao giúp người học nắm được cách dịch chức vụ, địa danh, tên người, thơ văn... sao cho phù hợp với văn phong tiếng Việt và tiếng Trung Quốc. Học phần còn phát triển kỹ năng biểu đạt giúp người học nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình, nắm chắc hơn về ngữ pháp, từ vựng trong các lĩnh vực chuyên ngành nhất định. Đồng thời, người học học được các kỹ năng kỹ xảo phục vụ cho công việc phiên dịch nhanh chóng và hiệu quả hơn.

5 BIÊN DỊCH NÂNG CAO

4 tín chỉ

Học phần **Biên dịch nâng cao** tiếp tục rèn luyện cho người học khả năng thực hành dịch trên cơ sở năng lực thực hành tiếng đã có. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về dịch viết. Thông qua nội dung các bài dịch đề cập đến các lĩnh vực phong tục tập quán, ngày lễ truyền thống, danh lam thắng cảnh, hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, thể thao, tin tức, hợp đồng; giúp cho người học làm quen và rèn luyện kỹ năng dịch viết (Trung - Việt và Việt - Trung). Bên cạnh giáo trình chính, người học sẽ được tiếp xúc và làm việc với những văn bản có tính cập nhật cao và hoàn thành các nhiệm vụ mang tính thực tế của công tác dịch thuật. Học phần còn phát triển kỹ năng biểu đạt giúp người học nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình, nắm chắc hơn về ngữ pháp, từ vựng tiếng Trung Quốc và có nền tảng để tiếp thu các học phần khác về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc.

60. LÝ THUYẾT DỊCH

3 tín chỉ

Học phần **Lý thuyết dịch** gồm 8 chương, giới thiệu lí luận cơ bản về dịch thuật (khái niệm, phân loại, quá trình, nguyên tắc, điều kiện tiến hành dịch thuật), phân tích so sánh cách sử dụng của số từ, đại từ, từ mượn, hư từ, thành ngữ, định ngữ trong tiếng Trung và tiếng Việt, ứng dụng kiến thức lí luận vào thực tiễn dịch thuật. Cấu trúc một chương gồm lý thuyết, hệ thống ví dụ minh họa, luyện tập. Lý thuyết được giới thiệu đầy đủ, sắp xếp khoa học. Hệ thống ví dụ minh họa điển hình, được chọn lọc từ những văn bản có độ tin cậy cao, có tác dụng làm rõ kiến thức lý thuyết được giới thiệu. Bài tập thiết kế sau mỗi chương, độ khó tăng dần, phù hợp với trình độ người học.

61. DỊCH THƯƠNG MẠI

3 tín chỉ

Với những hội thoại mẫu câu được người bản địa thực hiện, học phần **Dịch Thương Mại** rèn luyện chủ yếu kỹ năng dịch và vận dụng các cấu trúc, hội thoại. Học phần giúp người học dần tích lũy và mở rộng nâng cao vốn kiến thức về lĩnh vực thương

mai. Sau khi kết thúc học phần, người học có thể tự tin thực hiện các giao dịch thương mại bằng tiếng Trung Quốc.

62. DỊCH CHUYÊN ĐỀ

3 tín chỉ

Học phần **Dịch chuyên đề** nhằm cho người học chuyên ngành phiên dịch có một kỹ năng chuyên sâu về biên dịch các chuyên đề cụ thể như văn học, văn hóa, lịch sử, kinh tế... Qua học phần này, người học vừa được hiểu về văn học, văn hóa, lịch sử, kinh tế Trung Quốc... thông qua các tài liệu trích giảng, vừa được nâng cao kỹ năng dịch, mở rộng vốn từ đối dịch về các chuyên ngành giúp người học làm quen với công việc biên tập viên sau khi tốt nghiệp.

63. KỸ NĂNG NGHIỆP VỤ BIÊN PHIÊN DỊCH

3 tín chỉ

Học phần **Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch** gồm 11 chương, được chọn lọc từ giáo trình 《实用翻译教程》, giới thiệu về khái niệm, tính chất, tiêu chuẩn, nguyên tắc, kỹ xảo, quy trình của hoạt động biên phiên dịch. Nội dung của một chương gồm lý thuyết, hệ thống ví dụ và câu hỏi hoặc bài tập luyện tập. Phần lý thuyết đầy đủ, sắp xếp khoa học, diễn đạt đơn giản dễ hiểu. Hệ thống ví dụ điển hình, cụ thể, thể hiện rõ nội dung lý thuyết. Hệ thống câu hỏi và bài tập giúp người học củng cố kiến thức, nâng cao kỹ năng trong hoạt động dịch thuật thực tiễn.

64. DỊCH VĂN HỌC

3 tín chỉ

Học phần **Dịch văn học** cung cấp cho người học lý luận về dịch, văn học và ngôn ngữ văn học, tiến trình văn học Trung Quốc. Người học luyện dịch đoạn văn giới thiệu thân thế, sự nghiệp, tư tưởng tác gia, các đoạn trích bình giảng tác phẩm văn học, các đoạn trích trong tác phẩm của một số tác gia tiêu biểu trong nền văn học Trung Quốc và Việt Nam. Quá trình học tập sẽ giúp người học rèn luyện kỹ năng dịch, truyền tải trọn vẹn nội dung, ý nghĩa câu văn, đoạn văn, biết lựa chọn từ ngữ và lối diễn đạt phù hợp ngôn ngữ đích. Từ đó, học phần giúp người học rèn luyện, nâng cao kỹ năng dịch văn học và góp phần nâng cao năng lực biểu đạt ngôn ngữ của bản thân người học.

65. TIẾNG TRUNG QUỐC KHÁCH SẠN - NHÀ HÀNG

3 tín chỉ

Học phần **Tiếng Trung Quốc Khách sạn - Nhà hàng** gồm 10 bài với nội dung bao trùm nhiều lĩnh vực khác nhau trong nghiệp vụ khách sạn nhà hàng (đặt phòng khách sạn, đón khách, phục vụ tại quầy lễ tân, trực tổng đài, nghiệp vụ buồng phòng, các phục vụ hỗ trợ khách hàng, đặt món, thanh toán...); Người học sẽ được trang bị những lý thuyết cơ bản về nghiệp vụ khách sạn nhà hàng, đồng thời mở rộng vốn từ vựng tiếng Trung Quốc về lĩnh vực khách sạn nhà hàng, rèn luyện kỹ năng giao tiếp ứng xử trong nghiệp vụ khách sạn nhà hàng. Người học được củng cố kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp thông qua hệ thống các bài hội thoại, thực hành xử lý những tình huống cụ thể trong nghiệp vụ khách sạn nhà hàng.

66. TIẾNG TRUNG QUỐC DU LỊCH

3 tín chỉ

Học phần **Tiếng Trung Quốc Du lịch** cung cấp cho người học các từ, cấu trúc câu và các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch. Bên cạnh đó, người học tiếp tục được nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng và được bổ xung thêm các kỹ năng giao tiếp trong nghiệp vụ du lịch

Nội dung của học phần Tiếng Trung Quốc Du lịch được sắp xếp theo trình tự các chủ điểm trong nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như: Phương tiện du lịch, qua hải quan, đón đoàn du lịch, lịch trình du lịch, giới thiệu chủ điểm du lịch,... giúp người học không chỉ trang bị được kiến thức tiếng, đồng thời còn hiểu thêm về các kiến thức nghiệp vụ du lịch.

67. TIẾNG TRUNG THUYẾT MINH CẢNH QUAN DU LỊCH 4 tín chỉ

Học phần **Tiếng Trung Thuyết minh cảnh quan du lịch** nhằm củng cố những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã học ở các học phần trước, đồng thời mở rộng vốn kiến thức về văn hóa du lịch, mở rộng vốn từ về nghiệp vụ du lịch, các cảnh điểm du lịch Hà Nội; rèn luyện kỹ năng thuyết minh cảnh quan du lịch và bồi dưỡng vốn kiến thức về văn hóa du lịch Hà Nội. Học phần **Tiếng Trung Thuyết minh cảnh quan du lịch** tập trung vào thuyết minh những cảnh quan điển hình của Hà Nội như: Lăng Bác, Văn Miếu, Chùa ở Hà Nội, Hồ Hoàn Kiếm, Hoàng Thành Thăng Long, Phố cổ... Trên cơ sở đó người học tiếp tục phát huy tính năng động sáng tạo, tự tìm tòi nghiên cứu để có thể giới thiệu tiếp những cảnh quan khác ở Hà Nội cũng như trên toàn quốc.

68. TIẾNG TRUNG QUỐC THƯƠNG MẠI

3 tín chỉ

Với những hội thoại mẫu được người bản địa giọng chuẩn thực hiện, tốc độ sát với thực tế giao tiếp, học phần Tiếng Trung Quốc Thương Mại rèn luyện chủ yếu kỹ năng nghe, nói, đàm thoại, đặc biệt bồi dưỡng năng lực diễn đạt khẩu ngữ cho người học. Học phần giúp người học dần tích lũy và mở rộng nâng cao vốn kiến thức về lĩnh vực thương mại. Sau khi kết thúc học phần, người học có thể tự tin thực hiện các giao dịch thương mại bằng tiếng Trung Quốc.

6 NGÔN NGỮ VĂN HÓA TRUNG QUỐC

3 tín chỉ

Học phần **Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc** cung cấp cho người học kiến thức về mối liên hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, giúp người học hiểu sâu hơn về đặc điểm ngôn ngữ và đặc điểm văn hóa, đồng thời chỉ ra những nguyên nhân ảnh hưởng, những nhân tố cấu thành dựa trên căn cứ và cơ sở lí luận khoa học. Cụ thể, người học được lĩnh hội về từ chỉ màu sắc và quan niệm màu sắc của người Trung Quốc, đặc trưng văn hóa của, chữ “狗” trong tiếng Trung Quốc, tiếng địa phương và tiếng phổ thông, văn hóa hài âm, những điều kiêng kị trong ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, các trò chơi qua chữ, một số cách học chữ Trung Quốc và thưởng thức nghệ thuật thư

pháp. Qua quá trình học tập, người học được phân tích tìm hiểu và khẳng định mối quan hệ mật thiết giữa ngôn ngữ và văn hóa, trên cơ sở đó nghiên cứu mở rộng một số vấn đề liên quan đến chủ đề bài học.

70. TIẾNG HÁN CỔ ĐẠI

3 tín chỉ

Học phần **Tiếng Hán cổ đại** cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tiếng Hán cổ đại, như ngữ âm, văn tự, từ vựng, ngữ pháp, nhất là một số hư từ thường dùng trong tiếng Hán cổ. Đồng thời cung cấp một số bài hoàn chỉnh hoặc đoạn trích trong các tác phẩm văn ngôn. Qua quá trình tập phân tích tìm hiểu nội dung tư tưởng của bài hoàn chỉnh hoặc đoạn trích đó, giúp học sinh nắm được đặc điểm văn tự, ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của các tác phẩm văn ngôn. Trên cơ sở đó liên hệ với tiếng Hán hiện đại.

71. THỰC TẬP 1

02 tín chỉ

72. THỰC TẬP 2

03 tín chỉ

73. THỰC TẬP 3

04 tín chỉ

74. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

08 tín chỉ

75. PHIÊN DỊCH CHUYÊN NGÀNH

03 tín chỉ

Học phần **Phiên dịch chuyên ngành** cung cấp thêm cho người học lượng từ vựng và các cấu trúc thông dụng, kỹ năng dịch văn bản viết, từ lóng, các từ thịnh hành... phục vụ công tác phiên dịch chuyên ngành và thực hành phiên dịch một số bài dịch nói với nội dung chuyên ngành cụ thể và chuyên sâu hơn như dịch hội thảo, hội chợ triển lãm, thăm viếng ngoại giao, tham quan du lịch... ; rèn luyện cho người học khả năng thực hành dịch nói những nội dung, chủ đề chuyên sâu hơn về chuyên ngành thương mại du lịch trên cơ sở năng lực phiên dịch cơ sở và nâng cao đã có. Học phần còn phát triển kỹ năng biểu đạt giúp người học nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình, nắm chắc hơn về ngữ pháp, từ vựng trong các lĩnh vực chuyên ngành nhất định. Đồng thời, người học học được các kỹ năng kỹ xảo phục vụ cho công việc phiên dịch nhanh chóng và hiệu quả hơn.

76. BIÊN DỊCH CHUYÊN NGÀNH

03 tín chỉ

Học phần **Biên dịch chuyên ngành** giúp người học mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành chuyên sâu, cấu trúc ngữ pháp phức tạp liên quan đến các chủ đề như ngoại giao, quân sự, chính trị, pháp luật, tài chính ngân hàng, kế toán, xuất nhập khẩu, cổ phiếu, công nghệ số, y tế v.v... giúp người học nâng cao kỹ năng biên dịch các chuyên ngành khó, đáp ứng được yêu cầu công việc biên dịch các chuyên ngành chuyên sâu ngay khi tốt nghiệp.

77. ĐỐI CHIẾU NGÔN NGỮ TRUNG VIỆT 03 tín chỉ

Ngôn ngữ học đối chiếu nghiên cứu các khái niệm ngôn ngữ học đối chiếu, lý luận đối chiếu, đối chiếu ngữ âm Trung - Việt; Nắm vững kiến thức chuẩn về nghiên cứu, đối

chiếu một cách hệ thống, toàn diện về đặc điểm của các trọng điểm ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng trong tiếng Trung Quốc tương quan với tiếng Việt. Thông qua quá trình học tập nghiên cứu, rút ra những thành quả nghiên cứu đối chiếu Trung - Việt, từ đó sẽ hiểu rõ và vận dụng Tiếng Trung Quốc tốt hơn trong học tập và công việc.

78. VĂN HÓA TRUNG QUỐC

02 tín chỉ

Học phần **Văn hóa Trung Quốc** cung cấp cho người học những hiểu biết khái quát về văn hóa truyền thống Trung Quốc, những quan niệm đạo đức truyền thống, văn vật, kinh tế, nghề truyền thống, kiến trúc, nhân sinh, ẩm thực, trang phục, võ thuật, y học của Trung Quốc.

7 GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA

02 tín chỉ

Giao tiếp liên văn hóa là học phần bổ ích bao gồm 4 nội dung chính, thông qua các nội dung này học sinh sẽ hiểu được khái niệm Văn hóa, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, năng lực giao tiếp liên văn hóa và lồng ghép các yếu tố văn hóa vào quy trình phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

80. HƯỚNG DẪN DU LỊCH VIỆT NAM

03 tín chỉ

Học phần **Hướng dẫn du lịch Việt Nam** nhằm củng cố những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã học ở các học phần trước, đồng thời mở rộng vốn kiến thức về văn hóa du lịch. Mở rộng vốn từ về nghiệp vụ du lịch, các cảnh điểm du lịch Việt Nam. Rèn luyện kỹ năng thuyết minh cảnh quan du lịch và bồi dưỡng vốn kiến thức về văn hóa du lịch Việt Nam. Học phần **Hướng dẫn du lịch Việt Nam** tập trung vào thuyết minh những cảnh quan điển hình của Việt Nam như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Huế, Quảng Ninh – Vịnh Hạ Long, Sa Pa, Hội An, Đà Lạt... Trên cơ sở đó người học tiếp tục phát huy tính năng động sáng tạo, tự tìm tòi nghiên cứu để có thể giới thiệu tiếp những cảnh quan khác trên toàn quốc.

81. THUYẾT TRÌNH TIẾNG HÁN

03 tín chỉ

Học phần **Thuyết trình tiếng Hán** gồm 7 chủ điểm thuyết trình liên bao gồm : Trang phục, văn hóa ẩm thực, kiến trúc truyền thống, phong tục hôn nhân truyền thống, tín ngưỡng, văn hóa nghệ thuật dân gian và du lịch thắng cảnh dân gian. Thông qua các chủ điểm thuyết trình, người học được bổ sung kiến thức, nâng cao kỹ năng nói, nâng cao năng lực thuyết trình về các chủ đề liên quan đến phong tục, văn hóa, xã hội.

F. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1 Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình khoa học Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

TT	Họ tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Môn tham gia giảng dạy

1	Nguyễn Văn Bình	1956	Tiến sĩ	Triết, LS Triết học	NNLCB của chủ nghĩa Mác Lênin
2	Trương Công Chính	1957	Cử nhân	Triết, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng HCM, Pháp luật ĐC
3	Lưu Bích Thu	1959	Tiến sĩ	Triết, Tư tưởng Hồ Chí Minh,	NNLCB của chủ nghĩa Mác Lênin
4	Nguyễn Thu Hạnh	1974	Tiến sĩ	KTCT	NNLCB của chủ nghĩa Mác Lênin
5	Nguyễn Ngọc Dung	1982	Thạc sĩ	KTCT	Tư tưởng HCM, Pháp luật ĐC
6	Vũ Thị Hà	1985	Thạc sĩ	Triết học	NNLCB của chủ nghĩa Mác Lênin
7	Nguyễn Văn Tuyên	1980	Cử nhân	Giáo dục chính trị	NNLCB của chủ nghĩa Mác Lênin
8	Trần Thị Thom	1989	Cử nhân	Giáo dục chính trị	Tư tưởng HCM, Pháp luật ĐC

2. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình tâm lý giáo dục

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Môn tham gia giảng dạy
1	Nguyễn Quốc Lập	1955	Thạc sĩ	Tâm lý học	Tâm lý học, RLNVSP TX
2	Bùi Văn Quân	1962	PGS, TS	Tâm lý học	Tâm lý học, Giáo dục học
3	Ngô Thị Hồng Chuyên	1967	Thạc sĩ	Tâm lý học	HD dạy học, RLVNSP TX
4	Nguyễn Thị Yến	1974	Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục học, HD

	Thoa				dạy học
5	Lê Hồng Hạnh	1970	Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục học, HD dạy học
6	Ngô Thị Kim Hoàn	1981	Tiến sĩ	Giáo dục học	Tâm lí học, Giáo dục học
7	Bùi Thị Hồng Minh	1976	Thạc sĩ	Tâm lý giáo dục	Tâm lí học, Giáo dục học
8	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	1970	Tiến sĩ	Tâm lý giáo dục	Tâm lí học, Giáo dục học
9	Lê Minh	1990	Đại học	Tâm lý giáo dục	GDH, HD dạy học
10	Trần Thị Bích Diệp	1990	Đại học	Tâm lý giáo dục	HD dạy học, RLVNSP TX
11	Trần Thị Thảo	1988	Thạc sĩ	Tâm lý học	Tâm lí học, Giáo dục học
12	Vũ Thúy Ngọc	1988	Thạc sĩ	Tâm lý học	Tâm lí học, Giáo dục học

3. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình tin học

TT	Họ tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo
1	Hà Đặng Cao Tùng	1960	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
2	Nguyễn Thái Minh	1989	Cử nhân	Công nghệ thông tin
3	Trần Hoàn	1957	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
4	Hoàng Thị Mai	1976	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
5	Nguyễn Văn Vệ	1955	Cử nhân	Công nghệ thông tin
6	Trương Đức Phương	1977	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
7	Nguyễn Thu Hằng	1981	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
8	Đỗ Thị Ngọc Quỳnh	1985	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
9	Lê Chí Chung	1984	Cử nhân	Công nghệ thông tin
10	Lê Minh Huy	1986	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
11	Ngô Thúy Ngân	1980	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin

4 Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình tiếng Anh

TT	Họ tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo
1	Phạm Lan Anh	1972	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
2	Nguyễn Thúy Hạnh	1970	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
3	Nguyễn T. Bích Liên	1971	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
4	Lê Thị Thanh Mai	1964	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
5	Hoàng Yến	1962	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
6	Nguyễn Huy Kỳ	1955	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
7	Trần Thị Như Hoa	1970	Thạc sĩ	Sư phạm tiếng Anh
8	Trịnh Phan Thị Phong Lan	1972	Thạc sĩ	Sư phạm tiếng Anh
9	Phạm Minh Phương	1979	Thạc sĩ	Sư phạm tiếng Anh
10	Nguyễn Thị Thu Huyền	1981	Thạc sĩ	Sư phạm tiếng Anh
11	Hà Ly	1987	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
12	Trần Chi Mai	1964	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
13	Nguyễn Thị Hương	1987	Thạc sĩ	Sư phạm tiếng Anh
14	Bùi Thanh Nga	1983	Thạc sĩ	Sư phạm tiếng Anh

5. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình GDTC và GDQP-AN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo
1.	Nguyễn Thu Hương	1962	Thạc sĩ	Thể dục thể thao
2.	Bạch Mĩ Dung	1960	Cử nhân	Giáo dục thể chất
3.	Nguyễn Duy Linh	1968	Thạc sĩ	Thể dục thể thao
4.	Phạm Tràng Kha	1968	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
5.	Trần Thu Hà	1962	Cử nhân	Giáo dục thể chất
6.	Lương Hiền Khanh	1979	Cử nhân	Giáo dục thể chất
7.	Nguyễn Như Phong	1972	Thạc sĩ	Thể dục thể thao
8.	Nguyễn Thế Nhiên	1973	Cử nhân	Thể dục thể thao
9.	Nguyễn Đức Quang	1982	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
10.	Lưu Xuân Bình	1974	Thạc sĩ	Thể dục thể thao
11.	Đinh Thị Quỳnh Anh	1988	Cử nhân	Giáo dục thể chất
12.	Hà Minh Hùng	1954	Cử nhân	GDTC-QPAN

13.	Trần Văn Tùng	1987	Cử nhân	GDTC-QPAN
-----	---------------	------	---------	-----------

6. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình Ngôn ngữ Trung quốc

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Thị Thanh Huệ	1980	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	Thực hành tiếng, Lý thuyết tiếng, Chuyên ngành du lịch
2	Vũ Thanh Hương	1981	Thạc sĩ	Tiếng TQ	Thực hành tiếng, Lý thuyết tiếng, Chuyên ngành du lịch
3	Phạm Hữu Khương	1990	Thạc sĩ	Tiếng TQ	Thực hành tiếng, Chuyên ngành văn hóa
4	Nguyễn Thùy Linh	1988	Thạc sĩ	Tiếng TQ	Thực hành tiếng, Chuyên ngành Thương mại
5	Nguyễn Thị Thanh Thủy	1979	Thạc sĩ	Tiếng TQ	Thực hành tiếng, Chuyên ngành văn hóa, Chuyên ngành dịch
6	Lê Bích Vân	1988	Thạc sĩ	Tiếng TQ	Thực hành tiếng, Chuyên ngành dịch
7	Lê Thị Thanh Tú	1989	Thạc sĩ	Tiếng TQ	Thực hành tiếng, Lý thuyết tiếng
8	Nguyễn Thị Thanh Hương	1989	Thạc sĩ	Tiếng TQ	Thực hành tiếng, Chuyên ngành dịch
9	Vũ Thị Anh Thơ	1989	Thạc sĩ	Tiếng TQ	Thực hành tiếng, Chuyên ngành dịch

G. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
			Ti vi hoặc máy chiếu	01 01	Tất cả các học phần
Phòng học từ 50 - 100 chỗ	7	750	Ti vi hoặc máy chiếu	01	Tất cả các học phần
Số phòng học dưới 50 chỗ	96	5.965	Ti vi hoặc máy chiếu	01	Tất cả các học phần
Số phòng học nghị vụ	9	216	Ti vi hoặc máy chiếu	01	Học phần RLNVSP
Phòng học đa phương tiện	03	150	Máy chiếu Máy tính Bảng thông minh	01 01 01	Các học phần
Phòng thực hành tin học	8	400	Máy tính, máy chiếu	30	thực hành các chuyên ngành, học phần về CNTT.
Phòng thực hành mạng	2	300	Máy tính, máy chiếu	30	thực hành các học phần về mạng máy tính.
Phòng ngoại ngữ	09	630	Máy chiếu tương tác, Máy tính, máy thu phát	09 09 225	Ngoại ngữ
Nhà tập đa năng	02	5460	Xà đơn, xà kép, bàn bóng bàn, sân cầu lông, sân bóng chuyên	Mỗi loại 3 bộ	Các học phần GDTC
Hội trường	02	1504	Hệ thống âm thanh, chiếu sáng	02	Các học phần lí thuyết
Ký túc xá	135	16498	Các thiết bị phục vụ sinh hoạt		Chỗ ở cho người học
Thư viện	12	3334	Đầu sách	17.000	Tất cả các học phần

2. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 3.334 m² trong đó diện tích phòng đọc: 1.435 m²
- Số chỗ ngồi: 700; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 82
- Phần mềm quản lý thư viện: ilip 3.6

- Thư viện điện tử: Hệ thống mạng LAN, kết nối với internet qua ADSL; 03 phòng hội thảo với các thiết bị multimedia; Trung tâm hỗ trợ dạy - học (KLF).
- Số lượng sách, giáo trình điện tử: 17.000 đầu sách (136.178 cuốn sách)
- Số giáo trình: 1.179 đầu sách (73.052 cuốn sách)
- Số sách tham khảo: 12.095 đầu sách (56.442 cuốn sách)
- Để đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên, người học, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nhà trường đã phối hợp với Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến VDOC xây dựng website Thư viện số với tên miền hnmu.tailieu.vn
- Thư viện số của Trường Đại Học Thủ đô Hà Nội cung cấp các dữ liệu đã được số hóa của các học phần trong các ngành đào tạo của trường. Bên cạnh việc sử dụng nguồn tài liệu trên website Thư viện số thì cán bộ, giảng viên, người học còn có thể **khai thác miễn phí** nguồn tài nguyên số khổng lồ của Thư viện cộng đồng **TaiLieu.VN** và nguồn tài nguyên số của các trường ĐH-CD khác trong hệ thống liên kết với TaiLieu.VN.

3. Nguồn tài liệu của Trung tâm Hán ngữ

- Số đầu sách: 498 đầu sách;- Số lượng: 2490 quyển
- Phân loại cụ thể:

STT	Loại sách	Số đầu sách	Số lượng
1	Từ điển	24	120
2	Văn hóa	44	220
3	Văn học	115	575
4	Thiếu nhi	97	485
5	Sách tham khảo	39	195
6	Ngôn ngữ học	17	85
7	Lịch sử, địa lý	8	40
8	Giáo trình	67	335
9	Giáo học pháp	17	85
10	Khác	70	350
Tổng		498	2490

4. Phòng học, phòng làm việc, nhà thi đấu, ...:

- Diện tích phòng học: 26438 m² (115 phòng học)
- Diện tích văn phòng: 2.165 m²
- Ký túc xá: 10278 m² (135 phòng)
- Nhà thi đấu: 5460 m²
- Sân chơi bãi tập: 10000 m²
- Thư viện: 17.000 đầu sách (136.178 cuốn sách)

- Phòng học đa năng: 03
- Hệ thống máy tính nối mạng: 9 phòng 481,7 m² với gần 200 máy tính nối mạng
- Trung tâm hỗ trợ dạy - học (KLF): Vi tính, ngoại ngữ, các phòng thí nghiệm Lý, Hoá, Sinh... Khu hỗ trợ học tập KLF tổng diện tích 1200 m² với hệ thống máy nối mạng gồm 82 máy và các trang thiết bị phục vụ giảng dạy và quản lý hiện đại khác.

H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển chương trình NNTQ.

Chương trình giáo dục đại học trình độ đại học ngành Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc được thực hiện bằng nhiều hình thức tổ chức dạy - học khác nhau. Các hình thức này cần hướng vào sự phát triển năng lực tự học của sinh viên, tập trung vào việc đào tạo các năng lực sư phạm của người giáo viên. Tinh thần này phải được quán triệt trong việc giảng dạy từng môn học và trong rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Ở mỗi học phần, giảng viên cần giảm bớt giờ học diễn giảng mà nên giới thiệu nội dung học phần, hệ thống tài liệu và hướng dẫn để sinh viên trình bày kết quả thu được trong quá trình nghiên cứu học phần. Trên cơ sở đó, các giảng viên sẽ giúp sinh viên giải đáp một số vấn đề khó và nêu các kết luận chính, đồng thời có thể dành thời gian đáng kể theo tỷ lệ quy định của học phần cho tất cả các sinh viên thực hành.

Kiểm tra đánh giá sinh viên: Thực hiện kiểm tra đánh giá chất lượng đào tạo một cách thường xuyên, toàn diện và bằng nhiều cách: vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm khách quan, hoạt động thực hành, hoạt động ngoại khóa,...

Theo hướng dẫn tinh giản số giờ thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho một chương trình đại học 4 năm. Chương trình cũng được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học.

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2019

P.TRƯỞNG KHOA PT



Trịnh Phan Thị Phong Lan